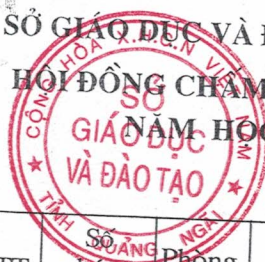


SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

HỘI ĐỒNG CHẤM THI TS VÀO LỚP 10

NĂM HỌC 2021 - 2022



BẢNG GHI ĐIỂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG: THPT SƠN MỸ

STT	Số bảo đanh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
1	080001	01	ĐẶNG ĐỨC	AN	Nam	19/10/2006	3.75	4.25	2.20		18.20	
2	080002	01	HUỲNH VĂN	AN	Nam	17/08/2006	Vắng	Vắng	Vắng			
3	080003	01	NGUYỄN LÊ QUỐC	AN	Nam	27/06/2006	3.00	3.00	1.90		13.90	
4	080004	01	NGUYỄN THÀNH	AN	Nam	08/10/2006	3.00	3.25	2.10		14.60	
5	080005	01	NGUYỄN THÚY	AN	Nữ	26/01/2006	6.75	4.25	5.00		27.00	
6	080006	01	PHẠM THỊ	AN	Nữ	18/06/2006	5.50	3.75	2.70		21.20	
7	080007	01	VÕ NGỌC	AN	Nam	20/01/2006	4.50	5.75	1.90		22.40	
8	080008	01	NGUYỄN TẤN	ANH	Nam	20/12/2005	2.50	1.75	1.50		10.00	
9	080009	01	PHẠM THỊ MINH	ANH	Nữ	22/02/2006	6.25	5.25	6.30		29.30	
10	080010	01	ĐỖ THỊ NGỌC	ÁNH	Nữ	05/07/2006	4.75	3.00	3.30		18.80	
11	080011	01	NGUYỄN THỊ KIM	ÁNH	Nữ	29/05/2006	2.00	3.25	3.00		13.50	
12	080012	01	TRẦN NGỌC	ÁNH	Nữ	15/10/2006	4.75	3.00	3.80		19.30	
13	080013	01	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	Nữ	06/04/2006	5.50	5.50	4.00		26.00	
14	080014	01	VÕ THỊ NHƯ	ÁNH	Nữ	16/07/2006	4.25	2.25	1.70		14.70	
15	080015	01	CAO GIA	BẢO	Nam	29/09/2006	5.00	2.00	2.60		16.60	
16	080016	01	LÂM HỒ GIA	BẢO	Nam	09/07/2006	3.00	3.25	3.20		15.70	
17	080017	01	LÊ VĂN	BẢO	Nam	11/04/2006	5.75	3.75	2.20		21.20	
18	080018	01	HUỲNH THANH	BIÊN	Nam	08/03/2006	3.25	1.75	1.80		11.80	
19	080019	01	LÂM VĂN	BÌNH	Nam	20/02/2006	4.75	3.25	3.60		19.60	
20	080020	01	BẠCH BUSH	BUSH	Nam	21/02/2006	3.25	4.25	2.40		17.40	
21	080021	01	ĐỖ QUỐC	CẨM	Nam	19/11/2006	1.75	4.25	3.90		15.90	
22	080022	01	CHÂU THỊ	CẨM	Nữ	25/04/2006	6.50	3.50	2.60		22.60	
23	080023	01	NGUYỄN LÊ HÒA	CẨM	Nữ	06/06/2006	6.50	4.75	4.70		27.20	
24	080024	01	NGUYỄN TẤN	CHÁNH	Nam	09/07/2006	2.25	1.50	2.00		9.50	
25	080025	02	HUỲNH DIỆU	CHI	Nữ	06/08/2006	7.75	5.50	7.90		34.40	
26	080026	02	LÊ TRẦN KIM	CHI	Nữ	27/11/2006	4.75	3.25	4.20		20.20	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
27	080027	02	PHAN THỊ KIM	CHI	Nữ	17/01/2005	4.00	2.25	2.90		15.40	
28	080028	02	TRẦN LƯƠNG BẢO	CHI	Nữ	13/07/2006	4.00	1.50	1.60		12.60	
29	080029	02	HOÀNG THIÊN	CHÍ	Nam	10/09/2006	4.50	3.00	2.40		17.40	
30	080030	02	TRẦN THIẾT	CHÍ	Nam	03/07/2006	2.00	1.25	4.30		10.80	
31	080031	02	NGÔ VĂN	CHUNG	Nam	07/11/2006	1.75	1.50	2.90		9.40	
32	080032	02	NGUYỄN THỊ MỸ	CHUNG	Nữ	09/08/2006	3.50	1.50	4.80		14.80	
33	080033	02	NGUYỄN VĂN	CHUNG	Nam	24/06/2006	4.00	2.25	1.00		13.50	
34	080034	02	TRẦN TẤN	CÔNG	Nam	14/06/2006	4.75	1.50	3.00		15.50	
35	080035	02	ĐỖ HUY	CUÔNG	Nam	14/04/2006	3.75	4.75	5.70		22.70	
36	080036	02	TRẦN VĂN	CUÔNG	Nam	04/02/2006	7.00	6.50	6.50		33.50	
37	080037	02	CAO NHẤT	DANH	Nam	01/10/2006	4.75	4.75	5.30		24.30	
38	080038	02	LÊ THÀNH	DANH	Nam	06/02/2006	3.00	2.25	2.40		12.90	
39	080039	02	NGUYỄN LÝ THÀNH	DANH	Nam	27/08/2006	3.50	0.50	2.40		10.40	
40	080040	02	VÕ THỊ KIM	DẦU	Nữ	09/09/2006	6.00	2.00	1.70		17.70	
41	080041	02	DƯƠNG THỊ	DIỄM	Nữ	04/03/2006	6.75	4.00	3.90		25.40	
42	080042	02	ĐỖ THỊ QUỲNH	DIỄM	Nữ	16/03/2006	6.50	5.50	6.10		30.10	
43	080043	02	LÊ NGUYỄN ÁI	DIỄM	Nữ	15/06/2006	6.50	4.25	4.00		25.50	
44	080044	02	PHẠM NGUYỄN KIỀU	DIỄM	Nữ	25/01/2006	4.50	2.75	3.90		18.40	
45	080045	02	PHẠM THỊ	DIỄM	Nữ	20/06/2006	3.00	2.50	1.60		12.60	
46	080046	02	HUỲNH THỊ NGỌC	DIỆP	Nữ	12/11/2006	3.50	0.25	5.20		12.70	
47	080047	02	ĐÀO THỊ HỒNG	DIỆU	Nữ	02/11/2006	5.50	3.75	3.00		21.50	
48	080048	02	ĐẶNG THỊ	DIỆU	Nữ	19/07/2006	3.50	2.00	3.70		14.70	
49	080049	03	ĐỖ THỊ MỸ	DUNG	Nữ	01/04/2006	5.00	0.50	2.60		13.60	
50	080050	03	VÕ NGUYỄN HOÀNG	DUNG	Nữ	10/10/2005	4.50	0.50	1.50		11.50	
51	080051	03	NGUYỄN NGỌC	DUY	Nam	18/02/2006	5.75	0.25	1.90		13.90	
52	080052	03	PHẠM TẤN	DUY	Nam	08/04/2006	5.00	5.25	4.60		25.10	
53	080053	03	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	23/05/2006	5.00	2.75	2.80		18.30	
54	080054	03	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUYÊN	Nữ	13/01/2006	7.50	5.25	5.90		31.40	
55	080055	03	TRẦN KỶ	DUYÊN	Nữ	16/09/2006	5.25	1.50	3.70		17.20	
56	080056	03	VÕ LƯƠNG NHẬT	DUYÊN	Nữ	31/12/2006	4.75	3.75	3.00		20.00	
57	080057	03	VÕ MỸ	DUYÊN	Nữ	14/05/2006	5.00	4.75	2.90		22.40	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
58	080058	03	VÕ THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	11/03/2006	5.50	3.00	3.10		20.10	
59	080059	03	CAO MINH QUỐC	DŨNG	Nam	30/05/2006	2.00	0.50	1.70		6.70	
60	080060	03	LÊ ANH	DŨNG	Nam	25/05/2006	3.25	3.25	2.80		15.80	
61	080061	03	NGUYỄN TẤN	DŨNG	Nam	12/07/2006	4.00	3.25	2.70		17.20	
62	080062	03	VÕ TẤN	DŨNG	Nam	14/07/2006	4.00	4.25	2.90		19.40	
63	080063	03	ĐỖ TẤN	DƯƠNG	Nam	08/05/2006	2.50	3.75	2.80		15.30	
64	080064	03	VÕ TRẦN TRỌNG	DƯƠNG	Nam	24/02/2005	2.00	1.50	3.40		10.40	
65	080065	03	PHÙNG THỊ DIỆU	ĐÀM	Nữ	08/09/2006	5.25	3.00	2.80		19.30	
66	080066	03	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	Nữ	16/05/2006	6.25	7.25	8.00		35.00	
67	080067	03	TRẦN QUỐC	ĐẠO	Nam	08/03/2006	3.75	3.75	2.10		17.10	
68	080068	03	ĐỖ NGUYỄN TẤN	ĐẠT	Nam	17/10/2006	5.25	4.00	3.60		22.10	
69	080069	03	LÊ NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	Nam	07/09/2006	4.00	4.25	2.90		19.40	
70	080070	03	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	Nam	23/07/2006	5.00	4.00	3.60		21.60	
71	080071	03	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	Nam	27/04/2006	2.50	1.50	1.30		9.30	
72	080072	03	NGUYỄN VÕ PHÔNG	ĐẠT	Nam	29/01/2006	4.75	2.50	3.30		17.80	
73	080073	04	PHAN TẤN	ĐẠT	Nam	18/03/2005	4.50	5.25	2.30		21.80	
74	080074	04	PHẠM XUÂN	ĐẠT	Nam	29/06/2006	5.50	5.50	4.00		26.00	
75	080075	04	PHÙNG HỮU	ĐẠT	Nam	21/02/2006	4.00	3.50	2.20		17.20	
76	080076	04	PHÙNG TIẾN	ĐẠT	Nam	14/07/2006	4.00	4.25	3.60		20.10	
77	080077	04	TRẦN NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	Nam	26/03/2006	3.50	2.50	3.50		15.50	
78	080078	04	TRƯỜNG QUANG THÀNH	ĐẠT	Nam	18/10/2006	2.00	1.00	2.10		8.10	
79	080079	04	VÕ NGỌC THÀNH	ĐẠT	Nam	05/07/2006	2.00	4.25	2.90		15.40	
80	080080	04	VÕ ĐÌNH	ĐẤU	Nam	14/07/2006	3.00	1.00	3.40		11.40	
81	080081	04	TÔ THỊ HỒNG	ĐIỆP	Nữ	22/04/2006	4.50	8.25	5.30		30.80	
82	080082	04	TRƯỜNG NỮ NHƯ	ĐÌNH	Nữ	25/01/2006	2.75	3.50	4.50		17.00	
83	080083	04	ĐẶNG VĂN	ĐỒNG	Nam	09/06/2006	3.00	1.75	3.00		12.50	
84	080084	04	ĐỖ VĂN	ĐỒNG	Nam	07/02/2006	4.00	4.50	2.80		19.80	
85	080085	04	VÕ VĂN	ĐỐC	Nam	30/05/2006	4.50	4.00	1.90		18.90	
86	080086	04	DƯƠNG PHẠM HỒNG	GẮM	Nữ	29/11/2006	7.00	5.75	5.30		30.80	
87	080087	04	BÙI THỊ TRÀ	GIANG	Nữ	17/07/2006	6.25	4.50	2.80		24.30	
88	080088	04	NGÔ THỊ TRÀ	GIANG	Nữ	03/09/2006	4.50	3.50	2.10		18.10	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
89	080089	04	NGUYỄN THỊ HÀ	GIANG	Nữ	10/02/2006	4.00	4.25	3.80		20.30	
90	080090	04	NGUYỄN THỊ HÀ	GIANG	Nữ	23/12/2006	3.00	2.75	3.70		15.20	
91	080091	04	NGUYỄN TRÀ	GIANG	Nữ	04/09/2006	6.75	6.00	4.10		29.60	
92	080092	04	PHẠM THANH TUYẾN	GIANG	Nữ	25/07/2006	6.00	5.25	6.30		28.80	
93	080093	04	TRẦN THỊ HUƠNG	GIANG	Nữ	11/11/2006	6.25	5.00	5.70		28.20	
94	080094	04	TRƯỜNG QUANG	GIÀU	Nam	29/09/2006	4.50	3.00	2.60		17.60	
95	080095	04	NGÔ QUỐC	GIANG	Nam	19/08/2006	2.50	1.50	2.40		10.40	
96	080096	04	NGUYỄN THỊ Y	HA	Nữ	14/01/2006	3.75	3.75	2.10		17.10	
97	080097	05	PHẠM THỊ NGỌC	HA	Nữ	03/09/2006	5.00	5.00	3.00		23.00	
98	080098	05	CAO THỊ HỒNG	HÀ	Nữ	03/10/2006	2.25	2.25	2.00		11.00	
99	080099	05	LÊ THỊ THU	HÀ	Nữ	15/10/2006	5.50	3.50	2.90		20.90	
100	080100	05	TRƯỜNG THỊ THU	HÀ	Nữ	02/11/2006	2.00	1.00	2.50		8.50	
101	080101	05	VÕ NGÂN	HÀ	Nữ	20/10/2006	4.50	3.50	2.50		18.50	
102	080102	05	NGUYỄN DANH	HÀO	Nam	05/01/2006	5.50	5.25	3.70		25.20	
103	080103	05	NGUYỄN THIÊN	HÀO	Nam	24/07/2005	2.50	1.00	1.80		8.80	
104	080104	05	NGUYỄN NGỌC	HẢI	Nam	21/09/2006	3.75	2.00	2.50		14.00	
105	080105	05	PHAN VĂN	HẢI	Nam	27/06/2005	2.50	0.50	1.90		7.90	
106	080106	05	TRẦN THANH	HẢI	Nam	12/01/2006	5.25	4.50	4.30		23.80	
107	080107	05	VÕ NGUYỄN XUÂN	HẢI	Nam	19/11/2005	2.50	2.00	2.30		11.30	
108	080108	05	LÊ THỊ MỸ	HA	Nữ	03/07/2006	5.75	4.25	3.60		23.60	
109	080109	05	PHẠM THỊ THU	HANH	Nữ	07/11/2006	7.00	4.00	4.00		26.00	
110	080110	05	LÊ THỊ MỸ	HANG	Nữ	15/12/2006	2.25	2.25	2.80		11.80	
111	080111	05	TÔ KHẢ	HÂN	Nữ	06/12/2006	6.50	3.00	2.50		21.50	
112	080112	05	TRẦN PHÚC MÂY	HÂN	Nữ	10/10/2006	6.00	7.25	4.00		30.50	
113	080113	05	TRƯỜNG THỊ HUỖN	HÂN	Nữ	26/05/2006	5.00	3.50	3.20		20.20	
114	080114	05	PHAN QUỐC	HẬU	Nam	21/02/2006	1.50	1.50	1.00		7.00	
115	080115	05	PHẠM THỊ THU	HẬU	Nữ	15/10/2006	4.00	1.25	2.00		12.50	
116	080116	05	TRẦN PHÚC	HẬU	Nam	20/04/2006	3.50	3.00	2.10		15.10	
117	080117	05	BÙI TRUNG	HIẾU	Nam	01/02/2006	3.00	1.50	2.00		11.00	
118	080118	05	TÙNHƯ	HIẾU	Nữ	24/06/2006	2.25	1.50	1.70		9.20	
119	080119	05	VÕ THỊ	HIẾU	Nữ	08/02/2006	5.75	5.50	4.00		26.50	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
120	080120	05	DƯƠNG THU	HIỀN	Nữ	27/09/2006	4.50	4.50	3.60		21.60	
121	080121	06	PHẠM THỊ THU	HIỀN	Nữ	12/08/2006	2.50	2.25	3.70		13.20	
122	080122	06	TRƯƠNG THỊ THU	HIỀN	Nữ	13/08/2006	3.75	1.00	1.70		11.20	
123	080123	06	NGUYỄN CHÍ	HIỀN	Nam	24/02/2006	2.50	1.50	1.70		9.70	
124	080124	06	VÕ VĂN	HIẾU	Nam	21/10/2006	3.50	2.75	2.00		14.50	
125	080125	06	HỒ VĂN	HIỆP	Nam	14/11/2004	3.00	2.00	2.50		12.50	
126	080126	06	NGUYỄN ĐÌNH	HIỆP	Nam	17/09/2005	3.25	3.50	3.40		16.90	
127	080127	06	PHẠM THỊ HỒNG	HOA	Nữ	27/09/2006	4.50	2.50	4.30		18.30	
128	080128	06	TIÊU THỊ HỒNG	HOA	Nữ	27/11/2006	2.75	2.50	1.40		11.90	
129	080129	06	LÊ THỊ KIỀU	HOANH	Nữ	10/11/2006	4.00	2.25	2.70		15.20	
130	080130	06	PHẠM HUY	HOÀNG	Nam	16/12/2005	2.50	2.50	2.20		12.20	
131	080131	06	LÊ THỊ THU	HÒA	Nữ	29/12/2006	4.00	4.25	3.10		19.60	
132	080132	06	NGUYỄN KHÁNH	HÒA	Nữ	12/07/2006	4.00	5.00	3.60		21.60	
133	080133	06	PHAN THỊ XUÂN	HÒA	Nữ	16/09/2006	3.75	6.00	7.80		27.30	
134	080134	06	VÕ THỊ THU	HÒA	Nữ	11/07/2006	3.75	5.75	5.10		24.10	
135	080135	06	HỒ TẤN	HUỆ	Nam	23/12/2005	2.25	3.50	5.20		16.70	
136	080136	06	NGUYỄN THỊ	HUỆ	Nữ	02/09/2006	3.75	3.75	2.80		17.80	
137	080137	06	VÕ LINH KIM	HUỆ	Nữ	24/10/2006	2.50	3.75	3.50		16.00	
138	080138	06	ĐOÀN PHẠM QUANG	HUY	Nam	21/03/2006	4.25	4.25	1.70		18.70	
139	080139	06	HỒ THANH	HUY	Nam	08/07/2006	4.00	3.75	4.60		20.10	
140	080140	06	HUỲNH QUỐC	HUY	Nam	02/11/2005	2.75	4.25	2.20		16.20	
141	080141	06	NGÔ GIA	HUY	Nam	09/10/2006	3.50	3.75	3.00		17.50	
142	080142	06	PHAN TẤN	HUY	Nam	11/09/2006	2.75	4.00	2.70		16.20	
143	080143	06	PHẠM NGỌC	HUY	Nam	15/05/2005	2.25	3.75	3.20		15.20	
144	080144	06	TRƯƠNG PHAN ĐÔNG	HUY	Nam	10/06/2006	3.25	1.50	1.10		10.60	
145	080145	07	TRƯƠNG VĂN	HUY	Nam	26/02/2006	3.50	1.75	1.70		12.20	
146	080146	07	VÕ ANH	HUY	Nam	11/01/2006	5.00	3.00	2.70		18.70	
147	080147	07	VÕ HỒNG	HUY	Nam	17/04/2006	3.00	2.50	2.70		13.70	
148	080148	07	VÕ QUANG	HUY	Nam	31/10/2006	3.25	3.50	2.30		15.80	
149	080149	07	HUỲNH THỊ THÚY	HUYỀN	Nữ	11/07/2006	4.25	5.00	2.50		21.00	
150	080150	07	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	Nữ	05/08/2006	4.25	2.25	3.40		16.40	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
151	080151	07	PHAN THỊ DIỆU	HUYỀN	Nữ	16/08/2006	2.25	1.75	3.30		11.30	
152	080152	07	PHẠM THỊ NGỌC	HUYỀN	Nữ	27/11/2006	2.50	2.75	4.40		14.90	
153	080153	07	TRẦN ĐỖ KHÁNH	HUYỀN	Nữ	08/03/2006	4.75	2.75	3.20		18.20	
154	080154	07	VÔ THỊ TUYẾT	HUYỀN	Nữ	26/08/2006	5.50	7.50	6.60		32.60	
155	080155	07	NGUYỄN BÙI ANH	HÙNG	Nam	22/02/2006	4.25	3.50	2.40		17.90	
156	080156	07	NGUYỄN VĂN	HÙNG	Nam	12/10/2006	3.00	2.50	3.00		14.00	
157	080157	07	PHẠM NGỌC	HÙNG	Nam	08/10/2006	1.75	1.00	1.70		7.20	
158	080158	07	TRẦN QUỐC	HÙNG	Nam	25/03/2006	4.50	5.25	4.60		24.10	
159	080159	07	NGUYỄN ĐÌNH	HÙNG	Nam	28/02/2006	3.50	3.50	4.80		18.80	
160	080160	07	TRƯƠNG QUANG	HÙNG	Nam	13/05/2006	4.75	3.25	4.50		20.50	
161	080161	07	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	Nữ	01/04/2006	7.25	8.25	8.90		39.90	
162	080162	07	PHAN VÔ HUỲNH	HƯƠNG	Nữ	03/01/2006	4.00	2.75	4.00		17.50	
163	080163	07	ĐỖ VIỆT	KHA	Nam	24/12/2005	3.00	3.75	2.60		16.10	
164	080164	07	NGUYỄN THỊ THU	KHÁ	Nữ	04/11/2006	5.50	6.25	5.20		28.70	
165	080165	07	LÝ DUY	KHÁN	Nam	26/02/2006	6.00	6.75	4.10		29.60	
166	080166	07	CAO ĐÌNH	KHÁNH	Nam	08/10/2006	2.50	1.75	2.20		10.70	
167	080167	07	HÀ DUY	KHÁNH	Nam	20/03/2006	3.00	2.00	2.00		12.00	
168	080168	07	PHẠM QUỐC	KHÁNH	Nam	24/04/2006	5.00	4.75	3.40		22.90	
169	080169	08	ĐỖ PHAN GIA	KHÁ	Nam	21/06/2006	4.75	3.75	4.30		21.30	
170	080170	08	TRẦN NGUYỄN	KHÁI	Nam	14/12/2006	2.50	3.25	4.00		15.50	
171	080171	08	BÙI THANH	KHIÊM	Nam	24/12/2006	3.50	3.00	4.00		17.00	
172	080172	08	ĐỖ LÝ HOÀNG ANH	KHOA	Nam	23/12/2006	5.50	5.75	3.10		25.60	
173	080173	08	TRẦN ANH	KHOA	Nam	13/11/2006	5.25	3.50	5.20		22.70	
174	080174	08	LÝ TRỌNG	KHÔI	Nam	07/09/2006	3.25	2.50	4.10		15.60	
175	080175	08	NGUYỄN MINH	KHÔI	Nam	29/09/2006	2.50	0.75	2.00		8.50	
176	080176	08	NGUYỄN THỊ	KIỀU	Nữ	15/01/2006	4.25	3.25	4.10		19.10	
177	080177	08	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	Nam	13/07/2006	Vắng	Vắng	Vắng			
178	080178	08	PHẠM HÙNG	KIỆT	Nam	25/04/2006	5.50	3.25	3.30		20.80	
179	080179	08	TRƯƠNG GIA	KIỆT	Nam	11/04/2006	6.50	8.25	9.70		39.20	
180	080180	08	NGUYỄN THỊ MỸ	LAM	Nữ	26/01/2006	5.75	1.75	4.60		19.60	
181	080181	08	NGUYỄN VĂN	LÀNH	Nam	28/10/2005	2.50	0.50	1.00		7.00	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
182	080182	08	CAO TIẾN	LÂM	Nam	13/10/2006	5.00	1.75	5.00		18.50	
183	080183	08	ĐỖ NGỌC	LÂM	Nam	13/05/2006	3.25	2.00	4.10		14.60	
184	080184	08	PHẠM THỊ NHẬT	LỆ	Nữ	08/12/2006	5.50	2.25	3.60		19.10	
185	080185	08	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	Nữ	11/11/2006	6.50	5.50	4.40		28.40	
186	080186	08	ĐÀO	LINH	Nam	12/05/2006	4.25	3.00	3.60		18.10	
187	080187	08	LÊ VŨ DIỆU	LINH	Nữ	18/08/2006	5.50	6.00	6.70		29.70	
188	080188	08	LÝ TRẦN KHÁNH	LINH	Nữ	10/07/2006	2.00	3.00	4.70		14.70	
189	080189	08	NGÔ THỊ THÙY	LINH	Nữ	31/10/2006	6.00	2.50	2.30		19.30	
190	080190	08	PHẠM THÙY	LINH	Nữ	10/10/2006	7.00	5.25	5.10		29.60	
191	080191	08	TRẦN QUỐC	LINH	Nam	11/06/2006	3.75	3.75	1.60		16.60	
192	080192	08	TRẦN THỊ MỸ	LINH	Nữ	01/09/2006	1.25	2.25	2.90		9.90	
193	080193	09	VÕ THỊ VIỆT	LINH	Nữ	09/03/2006	7.50	5.25	4.80		30.30	
194	080194	09	PHẠM THỊ MỸ	LOAN	Nữ	17/04/2006	6.75	6.00	5.40		30.90	
195	080195	09	NGÔ KỶ	LONG	Nam	05/12/2006	6.00	5.25	6.50		29.00	
196	080196	09	NGUYỄN THẮNG	LONG	Nam	04/06/2006	4.75	6.50	4.70		27.20	
197	080197	09	NGUYỄN HUỖNH PHÚC	LỘC	Nam	08/06/2006	5.75	4.75	6.30		27.30	
198	080198	09	NGUYỄN THÀNH	LỘC	Nam	30/05/2006	5.00	2.25	3.30		17.80	
199	080199	09	VÕ VĂN	LỘC	Nam	03/10/2006	7.25	5.50	6.50		32.00	
200	080200	09	NGUYỄN VĂN	LỢI	Nam	06/04/2006	5.00	3.75	3.20		20.70	
201	080201	09	NGUYỄN BẢO	LUÂN	Nữ	24/09/2006	1.50	2.00	4.90		11.90	
202	080202	09	NGUYỄN DUY	LUÂN	Nam	01/06/2006	5.25	4.50	4.00		23.50	
203	080203	09	NGUYỄN BÁ	LƯỜNG	Nam	28/02/2006	5.00	6.00	4.60		26.60	
204	080204	09	NGUYỄN HÀ	LỤC	Nam	01/02/2006	5.50	4.00	5.20		24.20	
205	080205	09	PHAN TẤN	LỤC	Nam	18/02/2006	4.00	0.50	4.40		13.40	
206	080206	09	NGUYỄN KIỀU THẢO	LY	Nữ	13/09/2006	4.25	1.25	4.80		15.80	
207	080207	09	TỪ THỊ CẨM	LY	Nữ	17/02/2006	3.75	2.25	4.90		16.90	
208	080208	09	ĐỖ THỊ NGỌC	MẾN	Nữ	21/01/2006	4.25	4.75	6.30		24.30	
209	080209	09	VÕ THỊ	MẾN	Nữ	07/08/2006	4.75	2.00	2.50		16.00	
210	080210	09	DƯƠNG THỊ TRÀ	MI	Nữ	17/01/2006	3.75	2.00	5.20		16.70	
211	080211	09	NGUYỄN ĐỨC	MINH	Nam	19/01/2006	5.00	5.50	4.20		25.20	
212	080212	09	PHẠM THỊ	MINH	Nữ	10/04/2006	4.25	2.75	4.90		18.90	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
213	080213	09	ĐỖ THỊ TRÀ	MY	Nữ	29/10/2006	5.00	6.75	3.20		26.70	
214	080214	09	HỒ TRÀ	MY	Nữ	19/09/2006	7.50	6.75	9.40		37.90	
215	080215	09	LÊ THỊ PHƯƠNG	MY	Nữ	11/08/2006	2.25	3.25	4.10		15.10	
216	080216	09	NGUYỄN THỊ HÀ	MY	Nữ	07/01/2006	7.75	6.50	7.10		35.60	
217	080217	10	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	Nữ	02/06/2006	5.50	3.00	4.20		21.20	
218	080218	10	PHẠM THỊ THANH	MY	Nữ	14/01/2006	4.25	2.25	2.30		15.30	
219	080219	10	PHẠM THANH	MY	Nữ	06/06/2006	3.00	1.75	5.10		14.60	
220	080220	10	VÕ NỮ TRÀ	MY	Nữ	15/03/2006	6.50	5.75	5.30		29.80	
221	080221	10	BÙI PHẠM THANH	MỸ	Nữ	22/10/2006	3.75	3.75	5.80		20.80	
222	080222	10	MAI HOÀNG VY	NA	Nữ	29/07/2006	6.00	6.00	4.90		28.90	
223	080223	10	NGUYỄN THỊ CHI	NA	Nữ	20/08/2006	4.75	2.50	4.90		19.40	
224	080224	10	TRẦN THỊ NA	NA	Nữ	06/10/2006	6.75	5.75	5.20		30.20	
225	080225	10	NGUYỄN HỮU	NAM	Nam	17/03/2006	6.00	3.75	4.10		23.60	
226	080226	10	PHẠM THÀNH	NAM	Nam	24/02/2006	4.50	6.00	5.40		26.40	
227	080227	10	TRẦN HOÀI	NAM	Nam	03/01/2006	4.00	2.75	2.90		16.40	
228	080228	10	TRẦN THỊ NHƯ	NGÀ	Nữ	14/11/2006	4.75	3.00	4.10		19.60	
229	080229	10	DƯƠNG THỊ HUỖNH	NGÂN	Nữ	27/06/2006	5.50	6.50	4.90		28.90	
230	080230	10	NGUYỄN THANH	NGÂN	Nữ	20/10/2006	7.00	5.00	5.70		29.70	
231	080231	10	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	Nữ	14/09/2006	3.50	2.50	4.50		16.50	
232	080232	10	NGUYỄN THỊ MỸ	NGÂN	Nữ	02/01/2006	2.50	3.00	3.00		14.00	
233	080233	10	NGUYỄN THỊ THÚY	NGÂN	Nữ	04/06/2006	6.25	4.75	8.30		30.30	
234	080234	10	NGUYỄN THÚY	NGÂN	Nữ	24/06/2006	2.50	3.25	2.90		14.40	
235	080235	10	PHAN LÊ THU	NGÂN	Nữ	21/08/2006	5.50	3.00	5.20		22.20	
236	080236	10	TRƯỜNG HOÀNG	NGÂN	Nữ	02/12/2006	7.25	4.50	7.90		31.40	
237	080237	10	TRƯỜNG THỊ THÙY	NGÂN	Nữ	15/05/2006	4.50	1.75	5.20		17.70	
238	080238	10	VÕ THỊ THÚY	NGÂN	Nữ	19/04/2006	3.00	3.50	3.60		16.60	
239	080239	10	ĐẶNG TRUNG	NGHĨA	Nam	11/08/2006	3.00	0.25	1.30		7.80	
240	080240	10	NGUYỄN THÀNH	NGHĨA	Nam	04/07/2006	3.50	1.25	2.30		11.80	
241	080241	11	PHAN MINH	NGHĨA	Nam	24/01/2006	3.25	1.25	1.30		10.30	
242	080242	11	PHẠM QUANG	NGHĨA	Nam	13/07/2006	3.50	1.00	2.50		11.50	
243	080243	11	TRƯỜNG QUANG	NGHĨA	Nam	19/01/2006	4.50	4.00	3.10		20.10	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
244	080244	11	VÕ TRỌNG	NGHĨA	Nam	01/07/2006	3.25	2.00	1.80		12.30	
245	080245	11	TRƯỜNG	NGOAN	Nam	14/01/2006	4.00	2.25	2.10		14.60	
246	080246	11	ĐINH THỊ ÁNH	NGỌC	Nữ	02/03/2006	7.00	5.50	5.00		30.00	
247	080247	11	ĐỖ KIM	NGỌC	Nữ	09/11/2006	3.50	2.50	2.40		14.40	
248	080248	11	PHẠM HOÀNG HỒNG	NGỌC	Nữ	20/05/2006	3.50	2.75	2.70		15.20	
249	080249	11	NGUYỄN GIA	NGUYỄN	Nam	26/01/2006	3.50	0.50	Vắng			
250	080250	11	VÕ KHÔI	NGUYỄN	Nam	24/04/2006	5.00	5.75	3.50		25.00	
251	080251	11	VÕ THỊ ÁNH	NGUYỆT	Nữ	25/08/2006	6.00	3.00	4.00		22.00	
252	080252	11	HỒ THỊ THANH	NHÂN	Nữ	19/07/2006	4.00	3.25	2.10		16.60	
253	080253	11	PHAN THANH	NHÃ	Nữ	05/09/2006	7.75	5.00	6.50		32.00	
254	080254	11	NGUYỄN HỮU THÀNH	NHÂN	Nam	31/05/2006	3.50	2.75	2.20		14.70	
255	080255	11	TỪ VĂN	NHÂN	Nam	02/03/2006	3.25	1.25	2.10		11.10	
256	080256	11	NGUYỄN HỮU	NHẤT	Nam	30/07/2006	2.00	0.25	2.70		7.20	
257	080257	11	PHẠM HOÀNG	NHẬT	Nam	03/05/2006	2.50	1.50	1.80		9.80	
258	080258	11	PHẠM VĂN	NHẬT	Nam	20/10/2005	3.00	2.50	1.90		12.90	
259	080259	11	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NHI	Nữ	24/06/2006	5.25	5.00	7.10		27.60	
260	080260	11	PHẠM THỊ YẾN	NHI	Nữ	12/11/2006	5.50	2.00	1.10		16.10	
261	080261	11	TRẦN THỊ THU	NHI	Nữ	29/05/2006	5.75	5.75	5.40		28.40	
262	080262	11	DƯƠNG THỊ THU	NHI	Nữ	22/09/2006	5.25	3.00	3.10		19.60	
263	080263	11	PHẠM THỊ	NHI	Nữ	05/05/2005	4.00	2.25	1.90		14.40	
264	080264	11	ĐỖ THỊ TUYẾT	NHUNG	Nữ	09/10/2006	4.50	1.25	2.50		14.00	
265	080265	12	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	Nữ	10/05/2006	6.00	3.25	3.50		22.00	
266	080266	12	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	10/07/2006	3.75	2.25	1.80		13.80	
267	080267	12	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHUNG	Nữ	10/10/2006	3.75	4.00	2.10		17.60	
268	080268	12	PHẠM THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	03/01/2006	4.25	3.00	2.00		16.50	
269	080269	12	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	Nữ	01/08/2006	5.00	2.75	2.30		17.80	
270	080270	12	NGUYỄN THỊ YẾN	NHƯ	Nữ	16/09/2006	5.00	5.25	5.40		25.90	
271	080271	12	PHẠM THỊ KIM	NHƯ	Nữ	23/07/2006	5.75	4.75	3.60		24.60	
272	080272	12	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	Nữ	19/10/2006	5.50	3.00	1.40		18.40	
273	080273	12	NGUYỄN THỊ THÚY	NỮ	Nữ	07/08/2006	4.00	3.50	4.00		19.00	
274	080274	12	TRẦN THỊ KIM	OANH	Nữ	14/02/2006	3.75	1.75	2.50		13.50	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
275	080275	12	ĐINH LUU TẤN	PHÁP	Nam	07/05/2006	5.25	3.50	3.00		20.50	
276	080276	12	CAO ĐỨC	PHÁT	Nam	27/12/2006	4.00	2.25	2.10		14.60	
277	080277	12	TRẦN THANH	PHÁT	Nam	11/01/2006	4.00	2.50	2.20		15.20	
278	080278	12	VÔ LÂM HOÀNG	PHÁT	Nam	18/04/2006	4.50	1.50	1.20		13.20	
279	080279	12	VÔ THỊ	PHẦN	Nữ	15/05/2006	5.00	5.75	2.40		23.90	
280	080280	12	PHAN VĂN	PHONG	Nam	12/10/2006	3.00	1.00	2.30		10.30	
281	080281	12	LÂM QUỐC	PHÒNG	Nam	07/12/2004	2.00	1.50	2.20		9.20	
282	080282	12	TRẦN DUY	PHÔNG	Nam	01/02/2006	3.75	2.75	3.80		16.80	
283	080283	12	ĐOÀN GIA	PHÚ	Nam	21/09/2006	6.50	4.00	3.80		24.80	
284	080284	12	NGUYỄN THIÊN	PHÚ	Nam	10/08/2006	4.50	4.00	1.90		18.90	
285	080285	12	PHẠM DUY	PHÚ	Nam	22/08/2004	4.25	3.25	2.80		17.80	
286	080286	12	ĐỖ HỒNG	PHÚC	Nữ	13/05/2006	4.00	4.75	2.70		20.20	
287	080287	12	HUỲNH TẤN	PHÚC	Nam	16/10/2006	2.25	2.25	2.70		11.70	
288	080288	12	HUỲNH VĂN	PHÚC	Nam	23/10/2005	3.75	1.75	1.50		12.50	
289	080289	13	NGUYỄN HỮU	PHÚC	Nam	10/06/2006	4.25	2.25	3.00		16.00	
290	080290	13	TRẦN CAO ĐÌNH	PHÚC	Nam	15/11/2006	4.50	3.25	2.90		18.40	
291	080291	13	VÔ HOÀNG	PHÚC	Nam	09/05/2006	3.50	2.50	6.40		18.40	
292	080292	13	LÊ HOÀI	PHƯƠNG	Nữ	21/12/2006	4.00	5.25	3.90		22.40	
293	080293	13	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	Nữ	10/09/2006	6.75	6.75	7.20		34.20	
294	080294	13	PHẠM THỊ NHƯ	PHƯƠNG	Nữ	14/01/2006	6.00	4.50	3.40		24.40	
295	080295	13	ĐỖ HỒNG	PHƯỚC	Nam	15/11/2006	5.75	5.50	2.10		24.60	
296	080296	13	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	Nam	20/06/2006	6.25	5.25	4.80		27.80	
297	080297	13	PHẠM THỊ	PHƯỢNG	Nữ	27/10/2006	5.25	3.25	4.30		21.30	
298	080298	13	PHẠM NGỌC	QUANG	Nam	29/06/2006	3.75	4.00	4.00		19.50	
299	080299	13	BÙI NGỌC MINH	QUÂN	Nam	02/10/2006	4.75	5.50	3.90		24.40	
300	080300	13	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	Nam	27/10/2006	4.00	3.50	2.80		17.80	
301	080301	13	PHẠM ĐỒNG	QUÂN	Nam	25/12/2006	5.75	4.75	4.60		25.60	
302	080302	13	HUỲNH THỊ THU	QUYÊN	Nữ	08/02/2006	6.00	4.25	2.60		23.10	
303	080303	13	LƯƠNG THẢO	QUYÊN	Nữ	30/08/2006	3.50	3.50	3.10		17.10	
304	080304	13	NGUYỄN NGỌC HỒNG	QUYÊN	Nữ	01/07/2006	4.50	2.00	2.00		15.00	
305	080305	13	NGUYỄN THỊ TÚ	QUYÊN	Nữ	27/06/2006	4.00	3.00	2.70		16.70	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
306	080306	13	NGUYỄN VŨ LỆ	QUYÊN	Nữ	14/07/2006	5.50	6.25	5.20		28.70	
307	080307	13	PHÙNG THỊ THANH	QUYÊN	Nữ	05/07/2006	6.50	4.75	2.00		24.50	
308	080308	13	LÊ HUỖNH MINH	QUYẾN	Nam	10/02/2006	4.00	3.00	2.40		16.40	
309	080309	13	CAO THỊ NHƯ	QUỖNH	Nữ	09/11/2006	2.50	4.50	3.00		17.00	
310	080310	13	CAO VI TRÚC	QUỖNH	Nữ	15/03/2006	6.50	4.75	4.60		27.10	
311	080311	13	HUỖNH THỊ NHƯ	QUỖNH	Nữ	20/07/2006	3.50	2.25	2.50		14.00	
312	080312	13	LÊ NGUYỄN NHƯ	QUỖNH	Nữ	26/07/2006	6.00	4.75	5.10		26.60	
313	080313	14	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỖNH	Nữ	16/01/2006	5.50	6.00	7.10		30.10	
314	080314	14	PHAN NGUYỄN NHƯ	QUỖNH	Nữ	18/04/2006	5.75	5.50	6.20		28.70	
315	080315	14	NGUYỄN KIỀU LY	SA	Nữ	12/10/2006	5.00	4.75	5.50		25.00	
316	080316	14	NGUYỄN PHẠM HOÀNG	SANG	Nam	18/01/2006	3.00	3.00	4.00		16.00	
317	080317	14	NGUYỄN THANH	SANG	Nam	10/05/2006	0.75	0.00	3.80		5.30	
318	080318	14	TRẦN THANH	SANG	Nam	02/08/2006	1.50	1.75	2.40		8.90	
319	080319	14	HUỖNH THỊ THÚY	SINH	Nữ	13/06/2006	3.00	2.50	3.10		14.10	
320	080320	14	PHẠM THANH	SƠN	Nam	25/08/2006	2.50	2.00	4.00		13.00	
321	080321	14	VÔ THÀNH	SƠN	Nam	27/11/2006	4.50	3.75	3.30		19.80	
322	080322	14	LÊ THỊ TUYẾT	SƯƠNG	Nữ	22/09/2006	7.00	4.75	2.80		26.30	
323	080323	14	DƯƠNG VĂN	SỸ	Nam	28/04/2006	2.00	3.00	2.70		12.70	
324	080324	14	LÊ ĐỨC	TÀI	Nam	26/06/2006	5.25	5.25	3.50		24.50	
325	080325	14	LÊ NỮ ÁNH	TÀI	Nữ	02/08/2006	5.50	3.50	3.40		21.40	
326	080326	14	LÊ THỊ MỸ	TÀI	Nữ	28/06/2006	5.75	4.25	3.50		23.50	
327	080327	14	PHẠM THÀNH	TÀI	Nam	27/12/2006	1.75	0.00	1.80		5.30	
328	080328	14	TRƯƠNG TẤN	TẠO	Nam	01/01/2006	5.75	4.50	2.90		23.40	
329	080329	14	PHẠM NGỌC	TÂM	Nam	12/08/2006	2.00	0.00	1.20		5.20	
330	080330	14	NGUYỄN NHẬT KHÁNH	TÂN	Nam	18/12/2006	2.50	2.50	2.90		12.90	
331	080331	14	NGUYỄN TRẦN NHẬT	TÂN	Nam	21/06/2006	4.25	4.00	2.10		18.60	
332	080332	14	PHAN THANH	TẤN	Nam	29/03/2006	3.00	3.25	3.20		15.70	
333	080333	14	PHẠM VĂN	TẤN	Nam	26/06/2006	2.50	1.75	1.10		9.60	
334	080334	14	NGUYỄN THỊ	THANH	Nữ	08/10/2006	4.75	4.25	5.50		23.50	
335	080335	14	NGUYỄN THỊ LỆ	THANH	Nữ	12/02/2006	5.50	2.75	3.50		20.00	
336	080336	14	TRƯƠNG PHƯƠNG	THANH	Nam	23/08/2006	2.25	2.25	2.90		11.90	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
337	080337	15	TRẦN PHI	THAO	Nam	12/03/2006	3.25	5.00	3.10		19.60	
338	080338	15	LÊ ĐÌNH	THÁI	Nam	21/03/2006	5.50	6.00	6.50		29.50	
339	080339	15	ĐỖ NGỌC MINH	THÀNH	Nam	14/10/2006	4.75	5.25	2.20		22.20	
340	080340	15	NGUYỄN TẤN	THÀNH	Nam	27/05/2006	5.75	6.50	5.90		30.40	
341	080341	15	PHẠM VĂN	THÀNH	Nam	30/04/2004	4.00	3.75	2.10		17.60	
342	080342	15	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	15/06/2006	5.50	4.00	4.60		23.60	
343	080343	15	LÝ THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	17/04/2006	4.00	2.50	2.80		15.80	
344	080344	15	NGÔ THỊ HƯƠNG	THẢO	Nữ	10/09/2006	3.25	2.00	4.60		15.10	
345	080345	15	NGUYỄN THỊ NHƯ	THẢO	Nữ	09/10/2006	5.00	5.50	4.50		25.50	
346	080346	15	PHẠM THỊ THANH	THẢO	Nữ	06/06/2006	3.50	3.25	4.10		17.60	
347	080347	15	PHÙNG THỊ BÍCH	THẢO	Nữ	15/08/2006	4.25	1.00	2.40		12.90	
348	080348	15	TRẦN THỊ THANH	THẢO	Nữ	05/06/2006	6.50	3.00	3.40		22.40	
349	080349	15	ĐỖ NGỌC	THẠCH	Nam	21/11/2006	3.50	4.50	4.60		20.60	
350	080350	15	LÝ PHAN DUY	THẠCH	Nam	29/03/2006	5.00	3.50	4.70		21.70	
351	080351	15	LÊ THỊ	THẨM	Nữ	26/10/2006	5.00	2.25	4.70		19.20	
352	080352	15	LÊ QUỐC	THẮNG	Nam	14/07/2006	3.50	1.00	2.90		11.90	
353	080353	15	NGUYỄN HỮU	THẮNG	Nam	09/05/2005	3.25	1.25	1.30		10.30	
354	080354	15	NGUYỄN VĂN	THẮNG	Nam	08/05/2006	2.75	1.25	1.60		9.60	
355	080355	15	NGUYỄN THỊ HỒNG	THỊ	Nữ	11/06/2006	1.25	1.25	2.40		7.40	
356	080356	15	VÕ ĐÌNH	THIỆN	Nam	08/10/2006	4.00	2.75	2.10		15.60	
357	080357	15	TRẦN CHÍ	THIỆN	Nam	18/06/2006	4.50	5.25	2.80		22.30	
358	080358	15	VÕ THÀNH	THIỆN	Nam	08/06/2006	3.00	3.50	2.70		15.70	
359	080359	15	ĐỖ HỮU	THỊNH	Nam	16/04/2006	3.00	2.50	1.30		12.30	
360	080360	15	NGUYỄN PHÁT	THỊNH	Nam	09/09/2006	4.75	2.75	2.90		17.90	
361	080361	16	TÙ THỊ KIM	THỊNH	Nữ	02/12/2006	5.50	3.75	3.40		21.90	
362	080362	16	ĐOÀN THỊ KIM	THOẠI	Nữ	06/12/2006	1.75	2.25	1.00		9.00	
363	080363	16	PHAN ĐỨC	THỐNG	Nam	01/04/2006	4.00	3.50	3.00		18.00	
364	080364	16	BÙI THỊ	THU	Nữ	05/06/2006	1.75	0.75	1.30		6.30	
365	080365	16	VÕ VĂN	THUẬN	Nam	20/05/2006	5.50	5.50	4.90		26.90	
366	080366	16	TRẦN LÊ GIA	THUYỀN	Nữ	14/06/2006	6.00	5.50	3.30		26.30	
367	080367	16	LÊ NGUYỄN THANH	THÚY	Nữ	30/06/2006	6.50	5.00	3.90		26.90	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
368	080368	16	NGUYỄN THỊ THU	THÚY	Nữ	05/06/2006	7.00	5.00	2.60		26.60	
369	080369	16	TRẦN THU MINH	THÙY	Nữ	12/01/2006	6.50	4.50	4.00		26.00	
370	080370	16	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	Nữ	15/07/2006	4.50	4.50	3.90		21.90	
371	080371	16	PHẠM THỊ THU	THỦY	Nữ	01/10/2006	6.25	3.75	4.70		24.70	
372	080372	16	LÝ DUY HOÀNG	THỤ	Nam	17/01/2006	3.25	2.50	4.30		15.80	
373	080373	16	ĐINH THỊ MỸ	THƯ	Nữ	05/07/2006	4.00	2.00	3.90		15.90	
374	080374	16	LÊ MINH	THƯ	Nữ	07/03/2006	4.50	3.25	3.00		18.50	
375	080375	16	NGUYỄN LÝ ANH	THƯ	Nữ	28/01/2006	3.75	5.25	5.90		23.90	
376	080376	16	NGUYỄN THỊ HUỆ	THƯ	Nữ	22/05/2006	5.50	5.50	6.90		28.90	
377	080377	16	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	Nữ	09/08/2006	4.50	4.25	2.50		20.00	
378	080378	16	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	Nữ	14/04/2006	2.50	2.25	3.40		12.90	
379	080379	16	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	Nữ	04/09/2006	4.00	5.50	5.60		24.60	
380	080380	16	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	Nữ	28/10/2006	5.75	5.25	4.40		26.40	
381	080381	16	TRẦN ANH	THƯ	Nữ	18/06/2006	6.75	4.00	3.70		25.20	
382	080382	16	VÔ THỊ MINH	THƯ	Nữ	23/09/2006	8.25	5.50	6.60		34.10	
383	080383	16	ĐỖ VĂN	THƯỜNG	Nam	13/04/2006	1.50	4.25	2.10		13.60	
384	080384	16	LÊ THỊ HOÀI	THƯỜNG	Nữ	20/11/2006	4.25	2.50	1.70		15.20	
385	080385	17	LÊ THỊ MINH	THƯỜNG	Nữ	09/08/2006	4.00	4.00	4.10		20.10	
386	080386	17	NGUYỄN ĐẶNG HOÀI	THƯỜNG	Nữ	31/03/2006	5.00	3.25	2.20		18.70	
387	080387	17	NGUYỄN THỊ	THƯỜNG	Nữ	25/09/2006	2.50	2.25	2.90		12.40	
388	080388	17	NGUYỄN VĂN	THƯỜNG	Nam	03/05/2006	4.00	4.25	2.60		19.10	
389	080389	17	PHAN THANH	THƯỜNG	Nam	27/07/2005	3.00	2.00	1.50		11.50	
390	080390	17	NGUYỄN CHÍ	THƯỜNG	Nam	14/08/2005	1.75	4.50	2.60		15.10	
391	080391	17	NGUYỄN ANH	THY	Nữ	04/06/2006	5.75	3.50	2.60		21.10	
392	080392	17	HUỲNH THỊ THỦY	TIỀN	Nữ	30/09/2006	2.50	4.00	2.80		15.80	
393	080393	17	NGUYỄN LÊ VĨNH	TIỀN	Nữ	07/07/2006	4.50	4.75	2.70		21.20	
394	080394	17	NGUYỄN THỊ CẨM	TIỀN	Nữ	03/03/2006	5.00	4.00	3.90		21.90	
395	080395	17	NGUYỄN THỊ TIỀN	TIỀN	Nữ	21/01/2006	6.50	4.25	5.10		26.60	
396	080396	17	PHẠM THANH CẨM	TIỀN	Nữ	29/08/2006	5.50	3.75	2.90		21.40	
397	080397	17	PHẠM THỊ CẨM	TIỀN	Nữ	11/09/2006	5.50	4.50	2.50		22.50	
398	080398	17	VÔ THỊ THỦY	TIỀN	Nữ	22/10/2006	4.00	3.25	2.40		16.90	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
399	080399	17	LÊ BẢO	TIẾN	Nam	17/08/2006	3.00	4.50	2.60		17.60	
400	080400	17	NGUYỄN QUỐC	TIẾN	Nam	19/04/2006	4.50	4.25	2.50		20.00	
401	080401	17	NGUYỄN TRUNG	TIẾN	Nam	27/10/2006	2.25	3.50	2.80		14.30	
402	080402	17	PHẠM TẤN	TIẾN	Nam	10/06/2006	5.00	4.75	2.70		22.20	
403	080403	17	NGUYỄN NHÂN	TIẾN	Nam	09/02/2006	4.75	5.75	3.50		24.50	
404	080404	17	NGUYỄN THANH	TIẾN	Nam	19/07/2005	3.50	4.25	2.50		18.00	
405	080405	17	LÊ QUANG	TÍN	Nam	19/04/2006	5.25	6.75	6.10		30.10	
406	080406	17	PHẠM NGỌC	TÍNH	Nam	10/06/2006	4.00	3.50	2.30		17.30	
407	080407	17	PHẠM VĂN	TÍNH	Nam	03/04/2006	3.00	3.75	3.50		17.00	
408	080408	17	PHẠM QUANG MINH	TÌNH	Nam	11/01/2006	2.75	3.25	1.90		13.90	
409	080409	18	NGUYỄN PHÚC	TOÁN	Nam	11/05/2006	4.75	3.00	3.30		18.80	
410	080410	18	PHẠM MINH	TOÀN	Nam	26/01/2006	2.75	3.00	1.70		13.20	
411	080411	18	TRẦN QUỐC	TOÀN	Nam	09/02/2006	6.00	5.00	3.80		25.80	
412	080412	18	ĐỖ	TRAI	Nam	24/10/2006	6.25	4.25	2.30		23.30	
413	080413	18	ĐỖ THUY	TRANG	Nữ	07/07/2006	5.00	4.75	3.30		22.80	
414	080414	18	LÊ HUYỀN	TRANG	Nữ	27/12/2006	6.50	5.00	7.30		30.30	
415	080415	18	LÊ THỊ KIỀU	TRANG	Nữ	25/06/2006	6.75	3.25	4.60		24.60	
416	080416	18	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	Nữ	25/04/2006	3.50	2.00	3.00		14.00	
417	080417	18	NGUYỄN TRẦN HUYỀN	TRANG	Nữ	02/03/2006	2.50	3.25	4.40		15.90	
418	080418	18	TÔ QUỲNH	TRANG	Nữ	13/01/2006	5.00	5.25	4.70		25.20	
419	080419	18	VÕ THỊ HUYỀN	TRANG	Nữ	04/09/2005	6.25	1.50	3.00		18.50	
420	080420	18	TRƯƠNG THẾ	TRÀ	Nam	01/10/2006	4.00	3.00	3.10		17.10	
421	080421	18	LÊ CÔNG	TRẠNG	Nam	03/06/2006	2.50	4.25	3.60		17.10	
422	080422	18	HUYỀN NGUYỄN TÚ	TRÂM	Nữ	30/11/2006	3.75	0.25	3.60		11.60	
423	080423	18	PHAN ĐỖ HUYỀN	TRÂM	Nữ	25/06/2006	5.50	2.25	2.40		17.90	
424	080424	18	VÕ LÊ NGỌC	TRÂM	Nữ	02/05/2006	5.50	5.75	6.40		28.90	
425	080425	18	VÕ THỊ THÚY	TRÂM	Nữ	16/01/2006	4.75	2.75	3.80		18.80	
426	080426	18	DƯƠNG GIA	TRINH	Nữ	22/07/2006	4.75	3.25	2.80		18.80	
427	080427	18	LÊ KIỀU	TRINH	Nữ	10/04/2006	6.50	5.25	6.70		30.20	
428	080428	18	LÊ THỊ MỸ	TRINH	Nữ	02/09/2006	5.00	3.25	1.80		18.30	
429	080429	18	NGÔ NHẬT	TRINH	Nữ	01/12/2006	7.50	5.25	6.80		32.30	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
430	080430	18	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	Nữ	06/04/2006	5.75	1.00	1.30		14.80	
431	080431	18	NGUYỄN THÙY	TRINH	Nữ	02/08/2006	5.50	4.75	5.00		25.50	
432	080432	18	PHẠM HỮU	TRÍ	Nam	23/02/2006	4.00	3.50	2.40		17.40	
433	080433	19	PHẠM QUỐC TÀI	TRÍ	Nam	13/10/2006	4.75	3.75	2.70		19.70	
434	080434	19	DƯƠNG MINH	TRỌNG	Nam	01/10/2005	4.50	3.00	2.40		17.40	
435	080435	19	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRỌNG	Nam	14/01/2006	3.75	3.50	2.60		17.10	
436	080436	19	TRẦN VĨNH	TRỌNG	Nam	18/08/2006	4.00	5.50	2.60		21.60	
437	080437	19	VÕ VĂN	TRỌNG	Nam	04/08/2006	4.00	2.50	2.60		15.60	
438	080438	19	NGUYỄN QUANG	TRUNG	Nam	12/01/2006	4.25	2.75	2.00		16.00	
439	080439	19	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	Nam	11/10/2006	5.00	3.25	3.00		19.50	
440	080440	19	PHAN VĂN	TRUNG	Nam	27/01/2006	2.50	1.25	3.20		10.70	
441	080441	19	PHẠM QUỐC	TRUNG	Nam	06/10/2006	4.75	4.75	1.60		20.60	
442	080442	19	VÕ TRƯỞNG BẢO	TRUNG	Nam	05/11/2006	4.25	3.50	4.70		20.20	
443	080443	19	LƯƠNG MINH	TRƯỜNG	Nam	17/08/2006	3.00	0.25	3.30		9.80	
444	080444	19	NGUYỄN LAM	TRƯỜNG	Nam	16/03/2006	2.75	1.75	2.80		11.80	
445	080445	19	NGUYỄN ANH	TUẤN	Nam	10/04/2006	5.75	2.50	5.80		22.30	
446	080446	19	PHẠM THỊ THU	TUYẾT	Nữ	22/12/2005	3.00	1.25	2.80		11.30	
447	080447	19	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	Nữ	25/07/2006	6.50	5.25	6.40		29.90	
448	080448	19	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	Nữ	10/02/2006	6.00	7.25	7.70		34.20	
449	080449	19	TRẦN THANH	TUYỀN	Nữ	27/01/2006	4.25	3.00	3.80		18.30	
450	080450	19	NGUYỄN NAM HOÀNG	TÚ	Nam	10/10/2006	2.50	2.75	2.30		12.80	
451	080451	19	PHAN TRẦN MINH	TÚ	Nam	19/01/2005	3.50	3.00	3.20		16.20	
452	080452	19	PHAN TUẤN	TÚ	Nam	28/07/2006	6.00	6.50	5.40		30.40	
453	080453	19	PHẠM THỊ CẨM	TÚ	Nữ	16/02/2006	6.00	5.00	4.60		26.60	
454	080454	19	TRẦN CẨM	TÚ	Nữ	25/02/2006	4.50	5.75	7.60		28.10	
455	080455	19	VÕ KIỀU CẨM	TÚ	Nữ	22/10/2006	5.00	5.50	5.80		26.80	
456	080456	19	VÕ XUÂN	TÚ	Nam	23/10/2006	2.50	3.50	3.40		15.40	
457	080457	20	NGUYỄN THANH	TÙNG	Nam	24/04/2006	4.75	4.25	2.90		20.90	
458	080458	20	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	UYÊN	Nữ	26/04/2006	6.00	6.25	5.60		30.10	
459	080459	20	PHẠM THỊ PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	14/04/2006	4.50	2.75	2.80		17.30	
460	080460	20	NGUYỄN THANH	VANG	Nữ	17/04/2006	2.50	5.75	6.20		22.70	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
461	080461	20	MAI NHẬT	VÂN	Nam	05/04/2006	4.50	3.25	4.60		20.10	
462	080462	20	VÕ THÀNH	VÂN	Nam	19/04/2006	3.50	1.50	3.60		13.60	
463	080463	20	ĐOÀN THỊ THU	VÂN	Nữ	14/03/2006	5.50	1.25	4.50		18.00	
464	080464	20	PHẠM THỊ MỸ	VÂN	Nữ	10/07/2006	7.25	4.25	3.50		26.50	
465	080465	20	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	VĂN	Nữ	17/09/2006	2.00	0.50	4.50		9.50	
466	080466	20	ĐỖ NGỌC	VI	Nữ	26/10/2006	3.50	3.25	2.90		16.40	
467	080467	20	LÊ THỊ	VI	Nữ	31/12/2006	2.50	1.00	1.00		8.00	
468	080468	20	VÕ THỊ DIỄM	VIÊN	Nữ	18/02/2006	4.00	3.00	2.40		16.40	
469	080469	20	PHẠM BẢO	VIỆT	Nam	18/11/2006	5.50	1.25	2.00		15.50	
470	080470	20	NGUYỄN TẤN	VINH	Nam	26/01/2006	2.50	2.50	3.20		13.20	
471	080471	20	ĐOÀN QUANG	VĨ	Nam	07/09/2006	3.00	3.00	2.80		14.80	
472	080472	20	DƯƠNG NGUYỄN NGUYỄN	VỘNG	Nam	24/08/2006	7.00	4.25	3.50		26.00	
473	080473	20	LÊ QUANG TUẤN	VŨ	Nam	24/03/2006	5.00	4.00	4.20		22.20	
474	080474	20	PHẠM TRƯỜNG	VŨ	Nam	19/10/2006	4.00	4.25	3.00		19.50	
475	080475	20	ĐẶNG VĂN	VUÔNG	Nam	05/12/2005	1.50	1.25	1.40		6.90	
476	080476	20	NGUYỄN QUỐC	VUÔNG	Nam	09/10/2006	7.00	6.00	3.20		29.20	
477	080477	20	NGUYỄN QUỐC	VUÔNG	Nam	28/02/2006	4.50	5.00	3.20		22.20	
478	080478	20	TRẦN MINH	VUÔNG	Nam	11/01/2006	4.00	1.25	2.60		13.10	
479	080479	20	VÕ THANH	VUÔNG	Nam	18/12/2006	3.00	2.25	2.40		12.90	
480	080480	20	TRẦN VĂN QUỐC	VUÔNG	Nam	18/02/2006	6.50	6.25	7.70		33.20	
481	080481	21	PHẠM THỊ NGỌC	VŨNG	Nữ	14/10/2006	5.75	2.75	2.90		19.90	
482	080482	21	ĐỖ LÊ NHẬT	VY	Nữ	11/09/2006	5.50	2.50	3.10		19.10	
483	080483	21	ĐỖ NGỌC TƯỜNG	VY	Nữ	02/11/2006	5.00	5.25	4.40		24.90	
484	080484	21	ĐỖ THUY THẢO	VY	Nữ	25/10/2006	6.50	3.50	4.70		24.70	
485	080485	21	ĐỖ THUY TƯỜNG	VY	Nữ	25/10/2006	5.50	3.50	3.90		21.90	
486	080486	21	LÊ THỊ KIỀU	VY	Nữ	26/07/2006	4.25	2.25	3.80		16.80	
487	080487	21	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	Nữ	25/03/2006	6.25	3.00	3.70		22.20	
488	080488	21	NGUYỄN THỊ Ý	VY	Nữ	25/02/2006	6.00	2.75	3.90		21.40	
489	080489	21	PHẠM NGUYỄN TRÀ	VY	Nữ	14/05/2006	7.00	6.75	8.90		36.40	
490	080490	21	PHẠM THỊ TƯỜNG	VY	Nữ	04/12/2006	2.50	2.25	3.10		12.60	
491	080491	21	PHẠM YẾN	VY	Nữ	26/04/2006	6.75	7.00	4.00		31.50	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Ngữ văn	Toán	T.Anh			
492	080492	21	TRẦN YẾN VY	Nữ	31/10/2006	4.00	3.75	3.40		18.90	
493	080493	21	VÕ THỊ ÁI VY	Nữ	05/02/2006	6.25	4.50	4.80		26.30	
494	080494	21	LÊ TRƯỜNG VỸ	Nam	12/07/2006	3.25	3.50	3.60		17.10	
495	080495	22	PHẠM THỊ YẾN VỸ	Nữ	24/12/2006	5.00	4.00	3.20		21.20	
496	080496	22	PHẠM TUẤN VỸ	Nam	15/01/2006	4.00	2.50	2.70		15.70	
497	080497	22	LÊ THỊ MINH XUÂN	Nữ	06/01/2006	2.00	3.75	3.50		15.00	
498	080498	22	NGUYỄN PHÙNG CẨM YẾN	Nữ	06/04/2006	3.25	1.75	1.60		11.60	
499	080499	22	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	Nữ	16/06/2006	6.50	5.50	4.50		28.50	
500	080500	22	PHAN THỊ KIM YẾN	Nữ	14/04/2006	5.25	4.50	5.50		25.00	
501	080501	22	BÙI NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	15/05/2006	5.00	4.25	3.30		21.80	
502	080502	22	HUỲNH MINH Ý	Nam	18/07/2006	2.75	1.75	2.80		11.80	
503	080503	22	LÊ NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	28/06/2006	5.00	4.75	3.90		23.40	
504	080504	22	LÊ THỊ NHƯ Ý	Nữ	17/09/2006	5.00	6.50	5.20		28.20	
505	080505	22	NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	24/09/2006	5.50	5.50	4.20		26.20	
506	080506	22	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Nữ	15/05/2006	7.00	3.00	3.20		23.20	
507	080507	22	PHAN KIỀU NHƯ Ý	Nữ	24/12/2006	5.00	3.25	3.80		20.30	
508	080508	22	TRỊNH NHƯ Ý	Nữ	30/08/2006	7.00	5.50	4.60		29.60	

Người ghép điểm



Trang Ngọc Tuấn

Người rà soát bảng in



Huỳnh Trung Sơn

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Quang Hồng

Cán bộ xét duyệt



Trần Đức Hùng

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 6 năm 2021



Nguyễn Văn Tâm